TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH P**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 31/2020/QĐST-HNGĐ	*T ngày 15 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH P

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Hồng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Minh Thân
Ông Nguyễn Thanh Lâm

- Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 19/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:
- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1993.
ĐKHKTT: Khu 2, xã X, huyện T, tỉnh P.
Chỗ ở: Khu 19, xã X, huyện T, tỉnh P.
- Bị đơn: Anh Phùng Văn Đ, sinh năm 1988;
ĐKHKTT: Khu 2, xã X, huyện T, tỉnh P.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T1 và anh Phùng Văn Đ.
- Về con chung: Chị T1, anh Đ xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Phùng Ánh Sáng, sinh ngày 09/02/2011 và cháu Phùng Thị Ánh Tuyết, sinh ngày 21/01/2014. Hai bên thống nhất thỏa thuận giao cháu Sáng và cháu Tuyết cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ ngày 15/5/2020 cho tới khi thành niên. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị T1 không yêu cầu.

Anh Phùng Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay, công sức đóng góp: Chị T1, anh Đ không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí ly hôn: Chị Nguyễn Thị T1 tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận chị T1 đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001719 ngày 17/02/2020 tại chi cục thi hành án Dân sự huyện T, tỉnh P.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện T;
- THA Dân sự huyện T;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hồng